

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI V&A VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI V&A VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109309526

**3. Ngày thành lập:** 18/08/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 27 Lò Sũ, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ đầu giá bán lẻ qua bưu điện hoặc internet)                             | 4791     |
| 2.  | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                    | 7990     |
| 3.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                       | 5610     |
| 4.  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                 | 7710     |
| 5.  | Đại lý du lịch                                                                                                                         | 7911     |
| 6.  | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại                                        | 6399     |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                        | 6209     |
| 8.  | Cổng thông tin<br>(trừ các loại thông tin nhà nước cấm và hoạt động báo chí)                                                           | 6312     |
| 9.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                         | 4933     |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng mà công ty kinh doanh | 8299     |
| 11. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                  | 6201     |
| 12. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                     | 6311     |
| 13. | Quảng cáo<br>(Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)                                                                                        | 7310     |
| 14. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                            | 5210     |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay                               | 5229     |
| 16. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                              | 5510     |

|     |                                                                                                                                  |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(trừ sản xuất phim và chương trình Nhà nước cấm)     | 5911        |
| 18. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                              | 6202        |
| 19. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                              | 4651        |
| 20. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                               | 4652        |
| 21. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu                                                                                     | 4799        |
| 22. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                        | 8230        |
| 23. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Không bao gồm bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)                                         | 4649        |
| 24. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                           | 4741        |
| 25. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính) | 6619        |
| 26. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: Tư vấn tâm lý, giáo dục kỹ năng sống cho thanh niên                                         | 8560        |
| 27. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                            | 8211        |
| 28. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                         | 8219        |
| 29. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán)                                                 | 7020(Chính) |
| 30. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa                          | 4610        |
| 31. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                               | 4632        |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN HẰNG NGA | 58 Hàng Điều, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông         | 450.000    | 4.500.000.000         | 50,000    | 001191016806                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 450.000    | 4.500.000.000         | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | PHẠM THỊ HIỀN   | Thôn 1, Xã Tế Nông, Huyện Nông Cống, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam                        | Cổ phần phổ thông         | 225.000    | 2.250.000.000         | 25,000    | 174906353                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 225.000    | 2.250.000.000         | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                   |                                                                                              |                           |         |               |        |           |  |
|---|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|-----------|--|
| 3 | NGUYỄN TRUNG DŨNG | Số 12, ngách 60, ngõ 102 Pháo Đài Láng, Xã Chu Điện, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 225.000 | 2.250.000.000 | 25,000 | 122266272 |  |
|   |                   |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                   |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                   |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                   |                                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                   |                                                                                              | Tổng số                   | 225.000 | 2.250.000.000 | 25,000 |           |  |
|   |                   |                                                                                              |                           |         |               |        |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN HẰNG NGA

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/04/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001191016806

Ngày cấp: 13/09/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 58 Hàng Điếu, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 58 Hàng Điếu, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội